

TẠP CHÍ

KHOA HỌC NGOẠI NGỮ

JOURNAL OF FOREIGN LANGUAGE STUDIES

河内大学

하노이 대학교

ハノイ大学

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI - Hanoi University - Université de Hanoi -
Ханойский университет - Università di Hanoi -
Universidade de Hanoi - Universidad de Hanoi -
Universität Hanoi



68
2021

ISSN 1859 - 2503

TẠP CHÍ KHOA HỌC NGOẠI NGỮ

SỐ 68/2021

TẠP CHÍ
KHOA HỌC NGOẠI NGỮ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

SỐ 68/2021



ISSN 1859-2503
RA MỖI NĂM 4 SỐ

Tổng biên tập:

TS PHẠM NGỌC THẠCH

Phó Tổng biên tập:

PGS.TS NGUYỄN VĂN TRÀO

Thư ký:

TS NGUYỄN NGỌC LÂN

Ban biên tập:

GS.TS Vũ Văn Đại (Trưởng ban)

GS.TS Nguyễn Thiện Giáp

GS.TS Nguyễn Văn Khang

GS.TS Hoàng Văn Vân

PGS.TS Trần Quang Bình

PGS.TS Nguyễn Tô Chung

TS Đinh Thị Bảo Hương

TS Nguyễn Ngọc Lân

TS Nguyễn Thị Cúc Phương

TS Đặng Xuân Thu

Trị sự:

PGS.TS Trần Quang Bình

(Trưởng ban)

TS Lương Ngọc Minh

(Phó Trưởng ban)

TS Tăng Bá Hoàng

ThS Đinh Thị Hải

ThS Lê Thị Thành Huế

ThS Đặng Hoàng Giang

ThS Nguyễn Thị Ngà

ThS Vương Nam Quế

Nguyễn Phương Tú

Nguyễn Văn Toàn

Trụ sở:

Phòng Quản lý Khoa học

Trường Đại học Hà Nội

Km 9, đường Nguyễn Trãi,

quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

ĐT: 024 - 35530728

E-mail: tckhnn@hanu.edu.vn

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

số: 359/GP-BTTTT

ngày 15.6.2021

M U C L U C

LÍ LUẬN NGÔN NGỮ

1. **VŨ THÚY NGA** – Biểu hiện thời gian trong tiếng Việt tương ứng thời trong tiếng Nhật 3

2. **TRẦN VĂN PHƯỚC, HÀ THỊ HƯƠNG** – Ấn tượng nhận về COVID-19 có miền nguồn là CHIẾN TRANH trong trang tin về dịch bệnh đường hô hấp cấp COVID-19 giai đoạn hiện nay 11

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

3. **NGUYỄN THỊ MINH HƯƠNG** – Phương pháp dạy và học ngoại ngữ gắn với chuyên ngành - Từ thực tế định hướng tiếng Nhật chuyên ngành, Trường Đại học Hà Nội 26

4. **HOÀNG THU TRANG** – Những yếu tố ảnh hưởng đến động lực học của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh hệ Bằng đại học thứ 2 trong các lớp học trực tuyến kỹ năng Nghe 35

5. **LƯU HỚN VŨ** – Quy kết trong học tập tiếng Trung Quốc là ngoại ngữ thứ hai của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh – Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh 50

VĂN HÓA-VĂN HỌC

6. **ERMILOVA G.G., NGUYỄN THỊ HOÀN** – Ảnh hưởng của tiểu thuyết “Tội ác và hình phạt” đến sáng tác của nhà văn Việt Nam 62

DỊCH THUẬT

7. **NGUYỄN VIỆT KHOA** – Nghiên cứu thành ngữ tiếng Anh có thành tố động vật từ bình diện ẩn dụ văn hóa và vấn đề dịch chúng sang tiếng Việt 69

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

8. **NGUYỄN THỊ NHƯ** – Tổ chức hoạt động ngoại khóa - hình thức hỗ trợ học tập hiệu quả tại Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Hà Nội 86

CONTENTS

1. VU THUY NGA – Time expressions in Vietnamese in relation to tenses in Japanese; **2. TRAN VAN PHUOC, HA THI HUONG** – Cognitive metaphors of COVID-19 pandemic with the source domain of WAR in current news about COVID-19 pandemic; **3. NGUYEN THI MINH HUONG** – Methodologies of teaching and learning foreign languages in association with subject-matter content – A look at the teaching of Japanese for special purposes at Hanoi University; **4. HOANG THU TRANG** – Factors affecting second-degree English majors' motivation in online listening classes; **5. LUU HON VU** – Attribution in learning Chinese as a second foreign language by English majors – Banking University of Ho Chi Minh City; **6. ERMILOVA G.G., NGUYEN THI HOAN** – Influences of the novel "Crime and Punishment" on Vietnamese literary works; **7. NGUYEN VIET KHOA** – A study on English animal idioms from the perspectives of cultural metaphor and their translation into Vietnamese; **8. NGUYEN THI NHU** – Extracurricular activities – An effective form of learning support at the Faculty of Political Education, Hanoi University.

СОДЕРЖАНИЕ

1. ВУ ТХЮЙ НГА – Выражение времени во Вьетнаме в сопоставлении с временными формами глаголов в японском языке; **2. ЧАН ВАН ФЬЮК, ХА ТХИ ХЬОНГ** – Когнитивные метафоры о Covid-19 со сферой-источником «война» в текущих новостях об острой респираторной вирусной инфекции Covid-19; **3. ЕРМИЛОВА Г.Г. НГУЕН ТХИ ХОАН** – Влияние романа «Преступление и наказание» на творчество вьетнамских писателей; **4. НГУЕН ТХИ МИНЬ ХЬОНГ** – Методы профессионально-ориентированного обучения и изучения иностранных языков – из практики преподавания профиля «Специальный японский язык» в Ханойском Университете; **5. ХОАНГ ТХУ ЧАНГ** – Факторы, влияющие на мотивацию студентов, получающих параллельное второе высшее образование по специальности «Английский язык», на онлайн-занятиях по навыкам аудирования; **6. ЛЬУ ХОН ВУ** – Саморефлексия студентов специальности «Английский язык» Хошиминского Университета Банковского Дела по результатам изучения китайского как второго иностранного языка; **7. НГУЕН ВЬЕТ КХОА** – Исследование английских фразеологизмов с анималистическим компонентом в аспекте культурных метафор и проблема их перевода на вьетнамский язык; **8. НГУЕН ТХИ НЬЫ** – Организация внеклассной деятельности как эффективный метод поддержки студентов на факультете политического воспитания Ханойского Университета.

SOMMAIRE

1. VU THUY NGA – Les expressions de temps en vietnamien en rapport avec les temps en japonais; **2. TRAN VAN PHUOC, HA THI HUONG** – Les métaphores du Covid-19 dont le domaine source est la GUERRE dans les textes d'informations sur cette pandémie en période actuelle; **3. NGUYEN THI MINH HUONG** – Didactique des langues étrangère en lien avec les disciplines de sciences: regard sur l'enseignement du japonais spécialisé à l'Université de Hanoi; **4. HOANG THU TRANG** – Facteurs influençant la motivation des étudiants d'anglais dans un cours de C.O à distance; **5. LUU HON VU** – Induction dans l'apprentissage du chinois comme langue seconde par les étudiants d'anglais à l'Université des sciences bancaires de HoChiMinh-ville; **6. ERMILOVA G.G., NGUYEN THI HOAN** – Influences du roman "Crime et Châtiment" sur la création d'écrivains vietnamiens; **7. NGUYEN VIET KHOA** – Etude des expressions comportant l'élément d'animal en anglais du point de vue des métaphores culturelles et de leur traduction en vietnamien; **8. NGUYEN THI NHU** – Organisation des activités extrascolaires : une assistance efficace aux études du Département d'éducation politique à l'Université de Hanoi.

CONTENIDO

1. VU THUY NGA – Expresiones de tiempo en vietnamita en relación con las correspondientes en japones; **2. TRAN VAN PHUOC, HA THI HUONG** – Metáfora cognitiva sobre COVID-19 cuyo dominio de origen es GUERRA en páginas actuales de noticias sobre enfermedades respiratorias agudas de COVID-19; **3. NGUYEN THI MINH HUONG** – Métodos de enseñanza y aprendizaje de lenguas extranjeras asociadas a especialidades: Desde la orientación del japonés con fines específicos, Universidad de Hanoi; **4. HOANG THU TRANG** – Factores que influyen a la motivación de los estudiantes de inglés de segundo grado en las clases de comprensión auditiva en línea; **5. LUU HON VU** – Explicación de las razones en el aprendizaje de una segunda lengua extranjera – El chino de estudiantes con especialidad en inglés – Universidad Bancaria de Ciudad Ho Chi Minh; **6. ERMILOVA G.G., NGUYEN THI HOAN** – La influencia de la novela "Crimen y castigo" en obras de escritores vietnamitas; **7. NGUYEN VIET KHOA** – Una traducción de modismos de animales ingleses con metáforas culturales al idioma vietnamita; **8. NGUYEN THI NHU** – Organización de actividades extracurriculares: una forma eficaz de apoyo al estudio en la Facultad de Educación Política de la Universidad de Hanoi.

目录

1. 武翠娥. 与日语时态相对应的越南语的时间表达法; **2. 陈文福、何氏香.** 当前在疫情新闻中有关源域为“战争”的疫情的隐喻认知; **3. 埃尔米洛娃、阮氏环.** 《犯罪与惩罚》小说对越南作家在创作上的影响; **4. 阮氏明香.** 专业外语教学法 – 以河内大学专业日语方向教学实践为例; **5. 黄秋庄.** 影响英语专业第二学位学生的在线听力技能课程学习动机的因素; **6. 刘欣武.** 汉语作为第二外语学习的归因 – 以胡志明市银行大学英语专业本科生为例; **7. 阮越科.** 文化隐喻视角下的英语与动物有关的成语研究以及越译问题; **8. 阮氏如.** 课外活动 – 河内大学政治教育系教学中的有效辅助形式.

ẨN DỤ TRI NHẬN VỀ COVID-19 CÓ MIỀN NGUỒN LÀ CHIẾN TRANH TRONG TRANG TIN VỀ DỊCH BỆNH ĐƯỜNG HỒ HẤP CẤP COVID-19 GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Trần Văn Phước*, Hà Thị Hương**

Đại dịch COVID-19 đang là một sự kiện nóng nhận được rất nhiều sự chú ý của toàn thế giới bởi tác động tiêu cực của nó trên tất cả các phương diện của xã hội. Trong bối cảnh này, tác giả tiến hành nghiên cứu ảnh hưởng của đại dịch đối với việc sử dụng ngôn ngữ phản ánh về sự kiện này trên các phương tiện truyền thông đại chúng thông qua việc tìm hiểu đặc điểm tri nhận và văn hóa của các biểu thức ẩn dụ về đại dịch COVID-19 có miền nguồn là CHIẾN TRANH theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận, sau đó đề xuất một số vận dụng trong giảng dạy và dịch thuật.

Từ khóa: ẩn dụ ý niệm, Covid-19, chiến tranh.

The COVID-19 pandemic is a hot issue that has received much attention worldwide because of its negative impacts on all aspects of society. In this context, the study, in the light of cognitive linguistics, investigates the impacts of the pandemic on the use of media language by investigating cognitive and cultural characteristics of metaphorical expressions about the COVID-19 pandemic containing the source domain of WAR. It, thence, proposes some recommendations for teaching and translation.

Keywords: cognitive metaphor, Covid-19, war.

1. Đặt vấn đề

Virus Corona chủng mới được cho là xuất hiện lần đầu tiên tại chợ đầu mối hải sản Hoa Nam ở Thành phố Vũ Hán, Hồ Bắc, Trung Quốc gây ra hội chứng hô hấp cấp tính và bùng phát mạnh mẽ vào cuối tháng 12 năm 2019, đến thời điểm hiện nay đã lan đến nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Bệnh do virus này gây ra được đặt tên là COVID-19 (Corona Virus Disease-2019). Ngày 11 tháng 3 năm 2020, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã chính thức tuyên bố dịch viêm đường

hô hấp cấp (COVID-19) do chủng mới của virus Corona (SARS-CoV-2) gây ra là “đại dịch toàn cầu” (Thu Lan, 2020). Đại dịch COVID-19 đã, đang và sẽ tác động sâu sắc đến sự ổn định chính trị, xã hội và hợp tác kinh tế, của các nước trên toàn thế giới (Cù Chí Lợi, 2020). Bên cạnh đó, dịch bệnh này còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc sử dụng ngôn ngữ của con người với nhiều cách diễn giải mới, chẳng hạn như các thuật ngữ: “giãn cách xã hội”, “phong tỏa”, “siêu lây nhiễm”, “tự cách ly”,... hay những cách diễn đạt thông qua các mô hình ẩn dụ tri nhận được cụ thể hóa qua các biểu thức ẩn dụ.

* PGS.TS., ** ThS., Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế

Email: hthuong@hueuni.edu.vn

Cột mốc đầu tiên về lý thuyết ẩn dụ tri nhận được đánh dấu bằng công trình *Metaphors We Live By* (George Lakoff và Mark Johnson, 1980). Công trình nhấn mạnh ẩn dụ không đơn giản là phương thức tu từ như lý thuyết ẩn dụ cổ điển, mà nó là một cơ chế của ý thức cho phép con người sử dụng những hiểu biết thông qua các trải nghiệm của bản thân để tri nhận về vô số vấn đề khác, đồng thời ẩn dụ có thể định hình nhận thức và hành động của con người mà đôi lúc bản thân người đó không nhận ra. Theo đó, một miền trừu tượng được hiểu thông qua một miền cụ thể hơn. Trong các loại hình diễn ngôn, ẩn dụ về chiến tranh đã trở thành một hiện tượng phổ biến, nhất là trong lĩnh vực sức khỏe con người - khi nói về các hiện tượng đe dọa vô hình, chẳng hạn như vi rút, vi khuẩn, vi trùng và bệnh tật nói chung (Fuks, 2009). Các khái niệm trong y học đã được tri nhận một cách ẩn dụ bằng nhiều phương pháp tiếp cận khác nhau trong suốt lịch sử loài người, nó phản ánh đặc điểm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của nơi ẩn dụ được hình thành (Pritzker, 2003).

Nghiên cứu này tập trung vào hiện tượng ẩn dụ tri nhận về đại dịch COVID-19 có miền nguồn CHIẾN TRANH trong các bài báo trên trang tin chuyên về dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19 của Bộ Y tế Việt Nam giai đoạn từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021. Qua đó, chúng tôi tiến hành tìm hiểu cơ sở tri nhận và đặc điểm ngữ nghĩa tri nhận của các mô hình ẩn dụ này, thảo luận nhận thức và thái độ của con người đối với dịch bệnh, tìm hiểu mối quan hệ giữa y tế, con

người và văn hóa ở Việt Nam hiện nay, đồng thời đề xuất một số vận dụng vào dạy và học ngôn/ngoại ngữ cũng như trong dịch thuật.

2. Cơ sở lý luận

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên khung lý thuyết về ngữ nghĩa học tri nhận và một số quan niệm về đặc trưng kinh tế, văn hóa, chính trị và con người Việt Nam trong bối cảnh mới của toàn cầu hóa và giai đoạn mới của hội nhập quốc tế hiện nay liên quan đến sự hình thành các biểu thức của ẩn dụ tri nhận COVID-19 LÀ CHIẾN TRANH.

2.1. Ẩn dụ theo quan điểm Ngữ nghĩa học tri nhận

Ngữ nghĩa học tri nhận là tên gọi của một khuynh hướng ngữ nghĩa học có cách tiếp cận lý thuyết phân biệt với các khuynh hướng khác như ngữ nghĩa học cấu trúc và ngữ nghĩa học hình thức (Lê Quang Thiêm, 2006). Ngữ nghĩa học tri nhận tìm hiểu quá trình và những gì xảy ra trong trí não con người khi tiếp thu (reception) và sản sinh (production) ngôn ngữ về một sự vật/hiện tượng, bao gồm cách thức miêu tả sự vật/hiện tượng và suy diễn về sự vật/hiện tượng đó. Ngữ nghĩa học tri nhận bắt đầu hình thành từ những năm 80 của thế kỷ XX và được thể hiện rõ qua các công trình nghiên cứu đáng chú ý, trong số đó, George Lakoff và Mark Johnson đã tạo ra một tiếng vang mạnh mẽ trong giới học thuật Âu Mỹ bằng *Metaphors We Live By* với lý thuyết ẩn dụ “mới”. Các nhà nghiên cứu không ngừng tìm hiểu, khám phá bản chất và chức năng của ẩn dụ trên nhiều lĩnh vực

như ngôn ngữ học, tâm lý học, ký hiệu học,... và rút ra kết luận rằng ẩn dụ là một công cụ tri nhận mạnh mẽ của con người, ẩn dụ cung cấp một góc nhìn mới để nhìn nhận một sự vật hay hiện tượng trừu tượng (Thúc Định Phương, 2000). Các nghiên cứu về ngôn ngữ hiện đại cũng đã chỉ ra rằng ẩn dụ hiện diện rộng rãi trong diễn ngôn hàng ngày và đã trở thành một phương tiện tư duy cơ bản của con người, ẩn dụ bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ và phản ánh phương thức tư duy của cộng đồng ấy, chính ẩn dụ chuyển hóa hoạt động nhận thức thành ngôn ngữ (Lakoff & Johnson, 2003; Eva Feder Kittay & Eric Charles Steinhart, 1991). Trong phạm vi bài viết, chúng tôi tập trung vào các khái niệm liên quan như tính nghiệm thân, ý niệm và miền trong ẩn dụ tri nhận. Từ những năm 80 của thế kỷ XX, tính nghiệm thân (embodiment) ngày càng nhận được nhiều sự chú ý của các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học tri nhận. Trong đó, Lakoff & Johnson đã phản đối lý thuyết của chủ nghĩa duy lý khi khẳng định rằng lý tính không phải là nguồn gốc của tri thức hay sự minh giải, mà bắt nguồn từ bản chất của não bộ, cơ thể và trải nghiệm thể chất của chúng ta (1980). Hay nói một cách khác, tri nhận không phải là một khả năng lôgic tiên nghiệm, mà là một quá trình tiến hóa liên tục theo ngữ cảnh, cơ thể là cốt lõi của tri nhận bởi vì bản thân hoạt động thể chất thể hiện ý định sinh tồn và thúc đẩy sự phát triển của nhận thức. Một cách chung nhất, ẩn dụ đề cập đến một ý niệm, một đối tượng hay một hành động bằng cách đồng nhất khái niệm này với một khái

niệm khác mà không hoàn toàn chính xác theo nghĩa đen, ẩn dụ là phép chiếu bản thể giữa các miền. Ý niệm được hiểu rõ ràng, cụ thể là miền nguồn (source domain); ý niệm trừu tượng được gọi là miền đích (target domain). Điều này có nghĩa ẩn dụ giúp chúng ta hiểu và trải nghiệm khía cạnh của một vấn đề thông qua thuộc tính, hành vi,... của một vấn đề khác quen thuộc hơn (Lakoff & Johnson, 1980). Sự tri nhận được diễn ra thông qua các ánh xạ ý niệm giữa miền nguồn và miền đích.

2.2. Một số đặc điểm về chiến tranh liên quan đến con người và văn hóa Việt Nam

Lịch sử tiến hóa của loài người chưa bao giờ yên ả mà luôn đầy khói lửa chiến tranh. Kể từ khi có những sinh vật đơn bào đầu tiên, cuộc đấu tranh giữa sự sống và tự nhiên chưa bao giờ dừng lại. Quy luật của tự nhiên là kẻ mạnh thắng kẻ yếu. Con người đã đánh bại các loài động vật nhờ trí thông minh và sự hình thành cộng đồng (nhóm xã hội). Văn hóa chiến tranh là một phần quan trọng của lịch sử văn minh nhân loại và xã hội loài người hiện đại vẫn mang thuộc tính của chiến tranh. Một mặt, do các yếu tố như tranh chấp chính trị, cạnh tranh kinh tế, tranh giành tài nguyên,... giữa các quốc gia nên ngày nay trong cộng đồng quốc tế vẫn còn xảy ra những cuộc chiến tranh thực sự. Đây là cơ sở thực tế của biểu thức ẩn dụ về chiến tranh. Mặt khác, chiến tranh xuyên suốt lịch sử loài người, làm thay đổi sự phát triển của xã hội loài người và không thể xóa nhòa trong nền văn hóa của mỗi dân tộc trên thế giới. Vì vậy, chiến tranh đã trở

thành một trong những khuôn mẫu cơ bản để con người tri nhận thế giới (Rigney, 2001).

Quá khứ nghìn năm văn hiến của dân tộc Việt Nam với hơn 1.000 năm cầm vũ khí đứng dậy chống ngoại xâm, trong đó đã có khoảng 100 cuộc khởi nghĩa quy mô lớn và hơn 10 cuộc kháng chiến giữ nước (Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 2019), vẫn còn nguyên vẹn trong ký ức của người Việt Nam, trở thành một phần trong hệ thống ý niệm của cộng đồng và được tích hợp vào hệ thống ý niệm của mỗi cá nhân. Vì vậy, tư duy chiến tranh xuất hiện và ảnh hưởng đến hầu hết phương diện của đời sống văn hóa xã hội Việt Nam.

Thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước của Việt Nam đã chứng minh mục đích của chiến tranh không phải là chinh phục mà là bảo vệ Tổ quốc, được tiến hành dựa trên cơ sở đoàn kết dân tộc, và được gọi là cuộc cách mạng. Bên cạnh việc vận dụng nghệ thuật đánh giặc giữ nước truyền thống của ông cha và quy luật chiến tranh cách mạng bảo vệ Tổ quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, bất kể giới tính, giai cấp, dân tộc,... nên phải dựa vào dân và coi dân là cội nguồn sức mạnh (Hồ Chí Minh toàn tập, 2011).

3. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi tiếp cận vấn đề cần nghiên cứu theo cả hướng nghiên cứu định lượng và hướng nghiên cứu định tính, sử dụng đồng thời các phương pháp thu thập, thống kê, phân loại, suy diễn, quy nạp và phương pháp phân tích miêu tả để sử dụng

xuyên suốt qua các giai đoạn: tập hợp cơ sở ngữ liệu; nhận dạng, xác lập phép chiếu ẩn dụ; mô tả đặc điểm ngữ nghĩa tri nhận của các biểu thức ẩn dụ về đại dịch COVID-19 có miền nguồn là CHIẾN TRANH.

Chúng tôi đã thu thập 428 biểu thức ẩn dụ tri nhận từ 62 bản tin mang chủ đề về đại dịch Covid-19 từ Trang tin điện tử chính thống về dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19 của Bộ Y tế Việt Nam qua tên miền *ncov.moh.gov.vn* được đăng tải trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021. Mặt khác chúng tôi chỉ chọn các bản tin viết bằng tiếng Việt nhằm tránh sự tác động của các yếu tố về cấu trúc từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, văn phong ngôn ngữ,... trong quá trình biên dịch từ tiếng nước ngoài đối với nguồn ngữ liệu. Để tránh thiếu sót và nâng cao độ tin cậy trong quá trình nhận diện và trích xuất các biểu thức ẩn dụ tri nhận, chúng tôi đã phân tích bối cảnh văn hóa (gồm bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội) và bối cảnh tình huống (không gian, thời gian) kết hợp áp dụng một số phương pháp nhận diện ẩn dụ như: phương pháp MIP (Nhóm nghiên cứu Pragglejaz, 2007), phương pháp MIPVU (Steen và cộng sự, 2010). Sau đó, chúng tôi vận dụng lý thuyết nhận diện miền nguồn và miền đích cụ thể của Kovecses (2010) kết hợp phương pháp phân tích mô hình ẩn dụ MPA của Stefanowitsch (2006) để xác lập phép phóng chiếu và mô hình ẩn dụ tri nhận rồi phân loại chúng. Tiếp đến, trên cơ sở thống kê tần suất sử dụng các biểu thức ẩn dụ tri nhận cũng như các mô hình ẩn dụ tri nhận từ nguồn dữ liệu,

chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích mô tả đặc điểm ngữ nghĩa tri nhận của chúng. Do phạm vi trình bày có hạn, các biểu thức ẩn dụ được trích từ nguồn ngữ liệu không được đính kèm bài viết vì số lượng trang quá nhiều.

4. Kết quả nghiên cứu

Mỗi ngành hay mỗi phạm trù đều có những mô hình ẩn dụ tri nhận riêng, nhưng có một dạng mô hình ẩn dụ tri nhận dường như thấm nhuần hầu hết trong các lĩnh vực của diễn ngôn, đó là ẩn dụ về chiến tranh (Warren, 1991). Các ánh xạ được phóng chiếu từ một miền nguồn CHIẾN TRANH sang nhiều miền đích khác nhau, chẳng hạn như miền đích ĐÀM PHÁN, miền đích HÔN NHÂN, miền đích ĐÓI NGHÈO, miền đích BỆNH TẬT,... Trong đợt bùng phát đại dịch COVID-19, các ẩn dụ về chiến tranh được sử dụng rất phổ biến trên các trang tin, các biểu thức ẩn dụ “giành chiến thắng trong cuộc chiến chống dịch”, “các chiến binh ở tuyến đầu của cuộc chiến chống dịch”, “chiến dịch tiêm vắc xin”,... được sử dụng một cách khéo léo trong việc phổ biến kiến thức và thông tin về bệnh dịch. Các yếu tố nội tại của chiến tranh rất phong phú, tiêu biểu có chiến binh, vũ khí, chiến trường, tấn công và phòng thủ, kết quả của cuộc chiến,... Ẩn dụ tri nhận COVID-19 LÀ CHIẾN TRANH bao gồm tập hợp các ánh xạ tương ứng từ miền đích COVID-19 đến miền nguồn CHIẾN TRANH. Từ nguồn ngữ liệu, chúng tôi đã tổng hợp và phân loại 428 biểu thức ẩn dụ tri nhận theo 7 mô hình ẩn dụ tri nhận thứ cấp: (1) ĐỊA ĐIỂM PHÒNG VÀ CHỮA TRỊ BỆNH LÀ MẶT TRẬN, (2)

PHƯƠNG PHÁP PHÒNG, CHỐNG, ĐIỀU TRỊ BỆNH LÀ CHIẾN THUẬT/ CHIẾN LƯỢC, (3) TRANG THIẾT BỊ PHÒNG/KHÁM CHỮA BỆNH LÀ VŨ KHÍ, (4) VIRUS CORONA LÀ KẼ ĐỊCH, (5) NGƯỜI TRÓN DỊCH LÀ KẼ THÙ, (6) CHỮA LÀNH BỆNH/KIỂM SOÁT ĐƯỢC ĐẠI DỊCH LÀ THẮNG TRẬN, (7) LỰC LƯỢNG CHỐNG DỊCH LÀ CHIẾN BINH; trong đó, các ý niệm thuộc miền đích là VIRUS CORONA, LỰC LƯỢNG CHỐNG DỊCH, TRANG THIẾT BỊ PHÒNG/KHÁM CHỮA BỆNH, ĐỊA ĐIỂM PHÒNG/CHỐNG/CHỮA TRỊ BỆNH, NGƯỜI TRÓN DỊCH, PHƯƠNG PHÁP PHÒNG/CHỐNG/ĐIỀU TRỊ BỆNH, CHỮA LÀNH BỆNH/KIỂM SOÁT ĐƯỢC ĐẠI DỊCH ánh xạ đến miền nguồn tương ứng là KẼ ĐỊCH, CHIẾN BINH, VŨ KHÍ, MẶT TRẬN, KẼ THÙ, CHIẾN THUẬT/CHIẾN LƯỢC, THẮNG TRẬN.

4.1. Mô hình ẩn dụ ĐỊA ĐIỂM PHÒNG VÀ CHỮA TRỊ BỆNH LÀ MẶT TRẬN

“Mặt trận” là một trong những yếu tố của hệ thống ý niệm về chiến tranh, mang nghĩa là khu vực tiếp cận nhau trong quá trình tác chiến của quân ta và quân địch. Ở mô hình ẩn dụ này, hai “mặt trận” chính xuất hiện trong các bản tin là cộng đồng và bệnh viện. Cộng đồng đóng vai trò ngăn chặn và kiểm soát sự lây lan của dịch, bệnh viện đóng vai trò chẩn đoán, điều trị và cấp cứu người mắc bệnh. Trong đó, một loạt các hình ảnh ẩn dụ như “tuyến đầu”, “tiền tuyến”, “pháo đài”, “bệnh viện dã chiến”,... được dùng để miêu tả cụ thể địa điểm phòng chống và chữa trị bệnh

nhân mắc virus Corona. Từ khi cuộc chiến chống virus Corona bắt đầu trên cả nước, mỗi khu vực là một chiến trường, chiến tuyến được trải dài từ khu cách ly y tế đến điểm cách ly tại nhà; khu dân cư, trung tâm mua sắm, bến tàu, xe buýt, nhà hàng,... đều là mặt trận chống dịch. Tất cả các thành phần trong xã hội tạo thành một “mặt trận thống nhất” chống lại “kẻ thù chung” là virus Corona.

Ví dụ:

(1) **Bệnh viện dã chiến** Điện Biên Phủ với trang thiết bị hiện đại, có 30 giường hồi sức tích cực sẵn sàng đi vào hoạt động phục vụ điều trị người bệnh COVID-19. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 07/02/2021)

(2) Riêng đối với các khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, Bí thư Thành ủy Hà Nội Đinh Tiến Dũng cho rằng các cấp, các ngành Thành phố phải phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất để mỗi khu, cụm công nghiệp, mỗi cơ sở sản xuất đều trở thành một “**pháo đài**” chống dịch. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 16/05/2021)

(3) Tại mỗi **Bệnh viện dã chiến** cần có phòng cấp cứu riêng, có đầy đủ máy móc trang thiết bị y tế, dụng cụ cấp cứu, hệ thống oxy, máy sốc điện, dụng cụ đặt nội khí quản. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 20/05/2021)

4.2. Mô hình ẩn dụ PHƯƠNG PHÁP PHÒNG, CHỐNG, ĐIỀU TRỊ BỆNH LÀ CHIẾN THUẬT/CHIẾN LƯỢC

Chiến thuật đóng vai trò quyết định cho sự thắng lợi của hai phe trong cuộc chiến, chiến thuật do chiến lược chi phối bởi lẽ chiến lược đưa ra phương pháp tổng thể còn chiến thuật xác định cách hành động cụ thể hơn. “Chiến tranh toàn diện”, “chiến tranh du kích” hiển nhiên là những hình thức chiến tranh đặc thù, thuộc về bản chất chiến lược của chiến tranh. Trong cuộc chiến chống virus Corona, Chỉ thị 16, biện pháp 5K, ... là các chiến lược, quyết sách được Chính phủ chỉ đạo và đẩy mạnh thực hiện. Biện pháp cụ thể để cách “tấn công” hay “phòng thủ” đối với kẻ thù này là ngăn ngừa, hạn chế và phân tán mục tiêu thu hút kẻ địch (cách ly xã hội, phong tỏa, tiêm vaccine, hộ chiếu vaccine...).

Ví dụ:

(4) Việt Nam đã thông tin kịp thời về tình hình dịch bệnh tới người dân, **phong tỏa** khi cần thiết, đảm bảo bao phủ bảo hiểm y tế. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 30/04/2021)

(5) Về việc điều chỉnh **chiến lược** đối phó với dịch, PGS.TS Trần Như Dương chia sẻ: Đợt dịch lần này chúng ta phải đối mặt với kẻ thù vô hình nguy hiểm hơn nhiều, đó là biến chủng kiểu Anh của virus. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 06/02/2021)

(6) Các nội dung được truyền thông trong **chiến dịch** bao gồm: cập nhật thông tin về đại dịch tới các cộng đồng mục tiêu, cung cấp các khuyến cáo của Bộ Y tế, lời khuyên từ chuyên gia, kiến thức khoa học để giữ vệ sinh phòng chống dịch, duy trì thói quen vệ sinh sau dịch bệnh để nâng

cao sức khỏe cho mọi gia đình Việt Nam, câu chuyện truyền cảm hứng của đội ngũ tuyến đầu... (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 23/04/2020)

4.3. Mô hình ẩn dụ TRANG THIẾT BỊ PHÒNG/KHÁM CHỮA BỆNH LÀ VŨ KHÍ

Hiện nay vẫn chưa có thuốc đặc trị cho bệnh nhân nhiễm virus Corona nên người ta sử dụng chủ yếu các liệu pháp hỗ trợ, giúp người bệnh điều chỉnh thể trạng tốt nhất nhằm đào thải virus ra ngoài. Vì nguy cơ “siêu lây nhiễm” của virus Corona nên việc phòng ngừa là rất cấp thiết, chẳng hạn như: hạn chế tối đa việc đến chỗ đông người, khi ra ngoài nhớ đeo khẩu trang, thường xuyên rửa tay và không dùng tay dụi mắt, nghỉ ngơi nhiều hơn và có chế độ ăn uống điều độ để tăng sức đề kháng của bản thân.

Trong cuộc chiến chống COVID-19, vũ khí không đơn thuần là súng ống, đạn dược, xe tăng,... mà quan trọng hơn là xà phòng, cồn sát trùng, khẩu trang, quần áo bảo hộ y tế, vaccine, thuốc,... để chữa trị cho bệnh nhân và phòng bệnh lây lan trong cộng đồng. Giống như những người lính được trang bị vũ khí khi ra chiến trường chống địch, lực lượng phòng, chống dịch cũng chuẩn bị đồ bảo hộ để đảm bảo an toàn cho bản thân.

Ví dụ:

(7) Và khi có thêm “**vũ khí lợi hại**” là vaccine, nhất định chúng ta sẽ chiến thắng cả cuộc chiến chống lại giặc COVID-19, tận dụng được thời cơ phục hồi, phát triển kinh tế nhanh chóng, mạnh mẽ trong thời gian tới, đóng góp vào việc đẩy lùi đại

dịch trên thế giới. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 28/02/2021)

(8) Hiện doanh nghiệp đang đặt mua **tấm chắn giọt bắn** cho công nhân và triển khai từ tuần sau. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 30/04/2021).

(9) Xây dựng các **bồn rửa tay dã chiến** Lifebuoy trên toàn quốc giúp người Việt duy trì thói quen rửa tay với xà phòng, chống dịch bệnh. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 23/04/2020)

4.4. Mô hình ẩn dụ VIRUS CORONA LÀ KẼ ĐỊCH

Chiến tranh là sự huy động sức mạnh của các bên tham chiến (Carl Von Clausewitz, 2000), phía bên kia chiến tuyến được gọi là phe đối địch. Với đại dịch COVID-19, việc đầu tiên chúng ta cần làm là xác định “kẻ thù” là ai sau đó mới xác định những thông tin cơ bản nhất của kẻ thù, bao gồm nơi trú ẩn, số lượng, cách kẻ thù tấn công chúng ta,... Có như vậy, chúng ta mới có thể có phương án hiệu quả chống lại kẻ thù. Trong mô hình ẩn dụ này, virus Corona và đại dịch COVID-19 được xác định là kẻ thù - kẻ xâm lược, là “kẻ tấn công” không ngừng nghỉ, là “mục tiêu” bị mọi người “nhắm” đến và “tiêu diệt” bằng các liệu pháp phòng chống hoặc các phương pháp can thiệp chữa bệnh khác. Vì virus Corona và đại dịch COVID-19 là kẻ địch, nên chúng ta cần “kiểm soát”, “ngăn chặn” rồi “diệt trừ” để hướng đến mục đích “chiến thắng” hoàn toàn đại dịch COVID-19 này. Tất cả các hành động của chúng ta đều tập trung

vào việc nỗ lực chống lại và đánh bại virus Corona.

Ví dụ:

(10) Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc: Các Bộ, ngành, địa phương không được chủ quan, không để dịch lây lan, phải coi việc **phòng, chống dịch như “chống giặc”**. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 29/01/2020)

(11) Ở nước ta, kể từ khi ca nhiễm thứ 17 xuất hiện, Việt Nam đã chính thức bước vào giai đoạn 2 của **cuộc chiến chống dịch COVID-19**, kết thúc chuỗi liên tục 22 ngày không có ca bệnh mới phát sinh. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 17/03/2020)

(12) Những liều vaccine ngừa COVID-19 đầu tiên đã về đến Việt Nam là “vũ khí” mới để chống lại **“giặc COVID-19”**, giống như trong một trận đánh, một chiến dịch, chúng ta nhất định sẽ chiến thắng với sự chỉ huy thống nhất, cùng “cách đánh” linh hoạt, sáng tạo. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 28/02/2021)

4.5. Mô hình ẩn dụ NGƯỜI TRỐN DỊCH LÀ KẼ THÙ

Ngoài virus Corona được xác định là kẻ thù cần phải tiêu diệt thì có một đối tượng cũng được coi là “nồi giáo cho giặc”, đó là những người giấu bệnh, khai báo y tế không trung thực, chống và trốn cách ly, không chấp hành lệnh cấm tụ tập, tiếp xúc đông người... làm lây lan dịch bệnh. Để ứng phó với những đối tượng này, một loạt các biện pháp được nêu ra,

chẳng hạn như *truy vết*, cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế, xử lý *hình sự*,...

Ví dụ:

(13) Toàn bộ lực lượng này sau khi được tập huấn sẽ tham gia vào việc **truy vết** người tiếp xúc gần với bệnh nhân Covid-19 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng dưới sự chỉ huy của Sở Y tế Đà Nẵng và Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Đà Nẵng. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 30/07/2020)

(14) Dù vậy, Trường vẫn tiếp tục đào tạo, tập huấn lại cho tất cả thành viên về chuyên môn, từ việc nhỏ nhất như cách đeo và tháo khẩu trang, mặc trang phục bảo hộ, cách lấy mẫu xét nghiệm hay nhập liệu, **truy vết**... (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 13/07/2021)

(15) Đối với vấn đề **truy vết**, cách ly, Tổ công tác đề nghị Ban Chỉ đạo các cấp đôn đốc bộ phận truy vết điều tra thông tin các trường hợp ca bệnh dương tính (F0) và cập nhật thường xuyên số liệu cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 10/07/2021)

4.6. Mô hình ẩn dụ CHỮA LÀNH BỆNH/KIỂM SOÁT ĐƯỢC ĐẠI DỊCH LÀ THẮNG TRẬN

Hình ảnh ẩn dụ về chiến tranh giúp người ta hiểu về dịch bệnh thông qua tư duy chiến tranh, nhưng cũng có thể dễ khiến người ta lầm tưởng rằng kết quả của cuộc chiến chống đại dịch COVID-19 hoặc là chiến thắng hoàn toàn hoặc là thất bại hoàn toàn trước đội quân virus Corona. Trên thực tế, các chuyên gia y tế thế giới

đã nhận định rằng: “COVID-19 có thể sẽ là “phần tất yếu” của thế giới trong bối cảnh virus Corona vẫn tiếp tục biến đổi ở những quốc gia chưa tiêm hoặc có tỷ lệ tiêm chủng vaccine phòng bệnh thấp trên thế giới” (Kiều Giang, 2021). Cho nên, kiểm soát được dịch bệnh, sản xuất và đời sống xã hội dần dần được khôi phục, bệnh nhân được phục hồi,... được xếp vào loại hình “chiến thắng”.

Ví dụ:

(16) Mục tiêu thực hiện **thắng lợi** chiến dịch tiêm chủng lớn nhất từ trước đến nay với 75 triệu dân Việt Nam được tiêm 150 triệu mũi tiêm vaccine phòng COVID-19 để đạt miễn dịch cộng đồng, thời gian triển khai chiến dịch trên toàn quốc từ tháng 7/2021 đến 4/2022... (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 13/07/2021)

(17) Vì vậy, thích ứng với tình hình hiện nay trong phát triển kinh tế để **“biến bại thành thắng”**, vượt qua khó khăn một cách ngoạn mục, đưa nền kinh tế tiến bước, đáp ứng kỳ vọng của nhân dân là một yêu cầu để thảo luận tại phiên họp. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 05/02/2020)

(18) Cũng giống như trong một trận đánh, sự thống nhất chỉ huy, “hiệp đồng binh chủng”, điều phối các lực lượng, nguồn lực, phương tiện hiện có là yếu tố tiên quyết để chúng ta có thể **thắng** “giặc COVID-19”. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 28/02/2020).

4.7. Mô hình ẩn dụ LỰC LƯỢNG CHỐNG DỊCH LÀ CHIẾN BINH

Từ khi virus Corona xuất hiện làm bùng phát đại dịch Covid-19, lực lượng chống dịch là hàng trăm hàng triệu chiến sĩ công an, bộ đội, bác sĩ, y tá, tình nguyện viên,... Họ luôn trong tư thế sẵn sàng đi vào tâm dịch, thực hiện nhiệm vụ được phân công nhằm đạt đến một mục tiêu chung là sớm đẩy lùi dịch bệnh. Để đối phó với số ca nhiễm bệnh và tử vong ngày càng tăng, lực lượng chống dịch được mở rộng với các cá nhân thuộc các nhóm xã hội khác nhau, đó là người giao hàng, người bán tạp hóa, là công nhân, là nông dân, là giáo viên, là học sinh-sinh viên,... Tất cả mọi người đều được kêu gọi để thực hiện nghĩa vụ chống dịch. Mỗi một cá nhân đảm nhận vai trò như một chiến binh trong cuộc chiến trường kỳ này.

Ví dụ:

(19) Trong lúc này, những **chiến sĩ** tuyến đầu chống dịch rất cần có sự động viên chia sẻ của cộng đồng, xã hội và nhân dân cả nước. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 30/03/2020)

(20) **“Đội quân chờ tóc dài”** mang theo tinh thần “chúng ta đi chưa biết ngày về, tóc dài khi nào không quan trọng, cứ cắt ngắn đi để lo cho công tác phòng, chống dịch...”. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 19/07/2021).

(21) Ngay khi đặt chân đến Quảng Ngãi, những **“chiến sĩ áo trắng”** của Tổ công tác bắt tay vào việc. (Nguồn: <https://moh.gov.vn/> truy cập ngày 15/07/2021)

Từ nguồn ngữ liệu, chúng tôi đã thu thập được tổng cộng 428 số lượt xuất hiện ẩn dụ và phân thành 7 mô hình ẩn dụ tri

nhận về COVID-19 có miền nguồn là CHIẾN TRANH. Trong đó ẩn dụ trong mô hình ĐỊA ĐIỂM PHÒNG/CHỐNG/CHỮA TRỊ BỆNH LÀ MẶT TRẬN chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số ẩn dụ tri nhận thu thập được với 110 lượt xuất hiện chiếm 22,7%; ẩn dụ của mô hình PHƯƠNG PHÁP PHÒNG, CHỐNG, ĐIỀU TRỊ BỆNH LÀ CHIẾN THUẬT/CHIẾN LƯỢC xuất hiện 74 lượt, chiếm 17,29% tổng số ẩn dụ thu thập được; ẩn dụ của mô hình TRANG THIẾT BỊ PHÒNG/KHÁM CHỮA BỆNH LÀ VŨ KHÍ xuất hiện với 70 lượt, chiếm 16,36% tổng số ẩn dụ thu thập được; ẩn dụ của mô

hình VIRUS CORONA LÀ KẼ ĐỊCH xuất hiện với 57 lượt, chiếm 13,32% tổng số ẩn dụ thu thập được; trong mô hình ẩn dụ NGƯỜI TRỐN DỊCH LÀ KẼ THÙ, ẩn dụ xuất hiện với 42 lượt, chiếm 9,81% tổng số ẩn dụ thu thập được; ẩn dụ trong mô hình THẮNG TRẬN LÀ CHỮA LÀNH BỆNH/KIỂM SOÁT ĐƯỢC ĐẠI DỊCH xuất hiện với 38 lượt, chiếm 8,88% tổng số ẩn dụ thu thập được; mô hình LỰC LƯỢNG CHỐNG DỊCH LÀ CHIẾN BINH có 17 lượt ẩn dụ xuất hiện, chiếm 8,64% tổng số ẩn dụ thu thập được. Cụ thể như trong Bảng 1:

Bảng 1. Mô hình ẩn dụ tri nhận về Covid-19 có miền nguồn là CHIẾN TRANH

STT	Mô hình ẩn dụ	Số lượt xuất hiện	Tỷ lệ %
1	ĐỊA ĐIỂM PHÒNG/CHỐNG/CHỮA TRỊ BỆNH LÀ MẶT TRẬN	110	25,70%
2	PHƯƠNG PHÁP PHÒNG, CHỐNG, ĐIỀU TRỊ BỆNH LÀ CHIẾN THUẬT/CHIẾN LƯỢC	74	17,29%
3	TRANG THIẾT BỊ PHÒNG/KHÁM CHỮA BỆNH LÀ VŨ KHÍ	70	16,36%
4	VIRUS CORONA LÀ KẼ ĐỊCH	57	13,32%
5	NGƯỜI TRỐN DỊCH LÀ KẼ THÙ	42	9,81%
6	THẮNG TRẬN LÀ CHỮA LÀNH BỆNH/KIỂM SOÁT ĐƯỢC ĐẠI DỊCH	38	8,88%
7	LỰC LƯỢNG CHỐNG DỊCH LÀ CHIẾN BINH	37	8,64%
	Tổng	428	100%

Bên cạnh việc xác định được số lượt và tỷ lệ xuất hiện của các nhóm biểu thức ẩn dụ so với tổng số ẩn dụ về COVID- 19 có miền nguồn là CHIẾN TRANH, chúng tôi còn thu được kết quả về thời gian xuất

hiện của các biểu thức ẩn dụ thuộc các mô hình ẩn dụ tri nhận nói trên trong quãng thời gian từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021, cụ thể như trong Bảng 2:

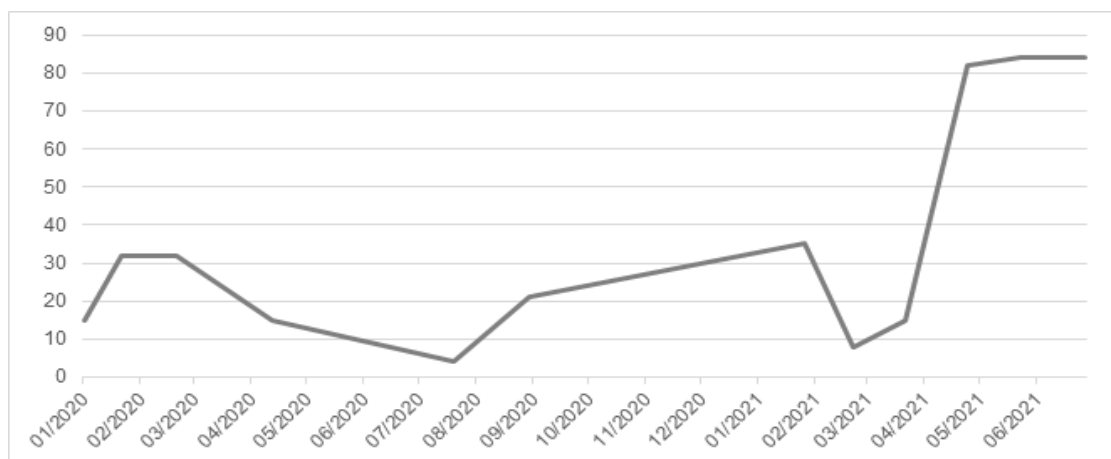
Bảng 2. Tần suất xuất hiện của biểu thức ẩn dụ về Covid-19 có miền nguồn là CHIẾN TRANH theo thời gian

Thời gian xuất hiện	Số lượt xuất hiện
Tháng 01/2020	15
Tháng 02/2020	32
Tháng 03/2020	32
Tháng 04/2020	15

Tháng 07/2020	4
Tháng 09/2020	21
Tháng 02/2021	35
Tháng 03/2021	8
Tháng 04/2021	15
Tháng 05/2021	82
Tháng 06/2021	84
Tháng 07/2021	84

Số liệu trên được biểu đồ hóa như sau:

Biểu đồ 1: Tần suất xuất hiện của biểu thức ẩn dụ về Covid-19 có miền nguồn là CHIẾN TRANH theo thời gian



Thời gian xuất hiện và số lượng xuất hiện của biểu thức ẩn dụ có mối quan hệ gắn kết với nhau. Tần suất xuất hiện các biểu thức ẩn dụ cao hay thấp phụ thuộc vào những yếu tố tác động liên quan đến văn hóa, chính trị, xã hội,... trong khoảng thời gian đó, nó thể hiện sự quan tâm của Chính phủ và công chúng đối với cuộc chiến chống virus Corona như thế nào.

Từ những phân tích trên ta có thể thấy rằng một phần lớn các yếu tố ở phương diện liên quan đến đại dịch Covid-19 đều có thể tìm thấy các diễn đạt ẩn dụ tương ứng trong lĩnh vực chiến tranh, là cơ sở tiền đề cho quá trình ánh xạ giữa hai miền.

Vì thế, xét về khía cạnh tri nhận, ẩn dụ sử dụng ý niệm CHIẾN TRANH làm miền nguồn có ý nghĩa nhận thức sâu sắc và khả năng tiếp thu mạnh mẽ.

5. Thảo luận

Từ nguồn ngữ liệu được thu thập là 428 lượt xuất hiện ẩn dụ về COVID-19 có miền nguồn là CHIẾN TRANH được phân loại thành 7 mô hình ẩn dụ, chúng ta có thể nhận thấy mức độ phổ biến và xu hướng sử dụng từ ngữ chiến tranh mô tả những vấn đề liên quan đến Đại dịch COVID-19 trên Trang tin về dịch bệnh đường hô hấp cấp COVID-19 (trực thuộc

Bộ Y tế Việt Nam) từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021.

Để tìm hiểu đặc điểm ngữ nghĩa tri nhận của các biểu thức ẩn dụ này, chúng tôi đặc biệt lưu ý đến các từ khóa liên quan đến chủ đề dịch bệnh và các thuật ngữ quân sự (ví dụ như: võ trận, chiến đấu, giặc, chiến sĩ, tiền tuyến, hy sinh,...). Trong đó, số lượt xuất hiện của biểu thức ẩn dụ thuộc mô hình ĐỊA ĐIỂM PHÒNG/CHỐNG/CHỮA TRỊ BỆNH LÀ MẶT TRẬN là nhiều nhất (110 lần) và đạt tỷ lệ cao nhất (25,70%) trong tổng số các biểu thức ẩn dụ thu thập được; còn số lượt xuất hiện của biểu thức ẩn dụ thuộc mô hình LỰC LƯỢNG CHỐNG DỊCH LÀ CHIẾN BINH là ít nhất (37 lần) và đạt tỷ lệ thấp nhất (8,64%) trong tổng số các biểu thức ẩn dụ thu thập được. Có thể thấy, mức độ sử dụng các biểu thức ẩn dụ thuộc các mô hình ẩn dụ chênh lệch không quá nhiều: ĐỊA ĐIỂM PHÒNG/CHỐNG/CHỮA TRỊ BỆNH chiếm 25,70%, PHƯƠNG PHÁP PHÒNG, CHỐNG, ĐIỀU TRỊ BỆNH chiếm 17,29%, TRANG THIẾT BỊ PHÒNG/KHÁM CHỮA BỆNH chiếm 16,36%, VIRUS CORONA chiếm 13,32%, NGƯỜI TRÓN DỊCH chiếm 9,81%, THẮNG TRẬN chiếm 8,88%, LỰC LƯỢNG CHỐNG DỊCH chiếm 8,64%. Nói chung, các biểu thức được sử dụng trong các bản tin chính thức về dịch bệnh đã phản ánh đúng thực trạng về đợt dịch trong khoảng thời gian 2020-2021. Điều này hoàn toàn phù hợp với mục đích phổ biến rộng rãi các thông tin liên quan đến đại dịch COVID-19 trong cộng đồng.

Dưới góc nhìn của thần kinh học tri nhận (cognitive neuroscience), Lakoff (1999) cho rằng mô hình ẩn dụ thực chất là cấu trúc tri nhận nằm sâu trong não khi con người lý giải sự vật, hiện tượng. Nó tồn tại trong các tế bào thần kinh của não, xuất hiện dưới dạng sơ đồ mạch thần kinh và các ẩn dụ tri nhận thực chất là các mạch thần kinh được ánh xạ giữa hai cấu trúc bề mặt. Theo đó, khi các thuật ngữ về chiến tranh được sử dụng trong lĩnh vực liên quan đến đại dịch COVID-19 thì cấu trúc bề mặt của thuật ngữ chiến tranh sẽ kích hoạt các giá trị liên quan đến chiến tranh, chẳng hạn như: “chiến tranh nổ ra”, “tấn công”, “xâm lược”, “phòng thủ”, “vũ khí”, “người lính”, “kết quả cuộc chiến”,... làm xuất hiện một loạt ánh xạ phản ánh quá trình hình thành, phát triển, phòng chống và điều trị bệnh Corona. Những hành động dựa trên cơ sở thần kinh học tri nhận này có thể giúp người tiếp nhận thông tin (dư luận) nhận ra mối đe dọa đối với sức khỏe cộng đồng cũng như thực hiện theo các biện pháp phòng chống dịch được đề ra. Từ góc độ ngữ dụng học, Montgomery (1991) đã chỉ ra “sức mạnh của ẩn dụ quân sự là truyền tải cảm giác sợ hãi và thực hiện các hành động phòng thủ và có thể huy động mọi người đối phó với các trường hợp khẩn cấp”. Vì thế, các phương tiện truyền thông xã hội chính thống sẽ sử dụng phổ biến hơn các từ ngữ được quân sự hóa trong giai đoạn dịch bệnh đang gia tăng để đạt đến mục đích động viên và khuyến khích hành động phòng thủ của con người bằng cách khơi dậy cảm giác sợ hãi. Trên bình diện văn hóa, John Keegan (2018) đã nói, “lịch sử

thành văn của nhân loại về cơ bản là lịch sử chiến tranh, chiến tranh đóng vai trò hết sức quan trọng trong suốt quá trình hình thành và phát triển văn hóa của nhân loại”. Chính vì thế, ngôn ngữ của chúng ta trong tất cả các lĩnh vực đều có nhiều thuật ngữ liên quan đến chiến tranh, trong đó có y học, cụ thể trong trường hợp này là đại dịch COVID-19. Do đó, đối với diễn ngôn về chiến tranh, công chúng dễ dàng liên tưởng đến và dễ dàng nhận được thông điệp.

Theo tần suất xuất hiện của biểu thức ẩn dụ về COVID-19 có miền nguồn là CHIẾN TRANH qua thời gian được thể hiện trong Biểu đồ 1, tháng 5 là bước ngoặt lớn đánh dấu sự thay đổi xu hướng sử dụng ẩn dụ chiến tranh trong các bản tin của năm 2020-2021. Trước đó, số lượng ẩn dụ liên quan đến dịch bệnh vẫn ở mức khá thấp và dao động trong ngưỡng từ 4 lượt (vào tháng 7 năm 2020) đến 35 lượt (vào tháng 2 năm 2021) xuất hiện trong các bản tin của mỗi tháng. Vào tháng 5, tháng 6, tháng 7 năm 2021, số lượt xuất hiện của ẩn dụ tăng trưởng theo cấp số nhân, gấp 2.4 lần số lượt xuất hiện vào tháng 2 năm 2021 và gấp 21 lần số lượt xuất hiện vào tháng 7 năm 2020. Những thông số này thay đổi phù hợp với tình hình COVID-19 biến động trong nước. Trong khoảng thời gian đầu, tốc độ lây lan của dịch bệnh khá chậm, sau đó sự biến thể của virus Corona đã khiến tình hình dịch bệnh ngày càng xấu đi thu hút mạnh mẽ sự chú ý của dư luận, tần suất xuất hiện các thuật ngữ quân sự vì thế cũng tăng lên mạnh mẽ. Tình hình thay đổi của dịch từ giai đoạn bắt đầu qua đỉnh

điểm của dịch đến giai đoạn phục hồi sau dịch đã kéo theo sự thay đổi trong từng chiến lược phòng chống dịch COVID-19 tại Việt Nam, đó là đẩy mạnh tuyên truyền, “đi từng ngõ, gõ từng nhà”, “5 nguyên tắc và 4 tại chỗ”, Chỉ thị 15, Chỉ thị 16, tăng cường theo Chỉ thị 16, thay đổi chiến lược xét nghiệm gộp mẫu, thay đổi chiến lược cách ly với trẻ em, thay đổi trong kiểm soát hàng hoá ra vào vùng có dịch,... Những chiến lược này đều được Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu triển khai và thực hiện theo tinh thần “chiến tranh nhân dân”, “chiến tranh du kích”, nhấn mạnh việc huy động toàn dân vào công cuộc phòng, chống virus Corona. Đây chính là sự kế thừa và phát huy nghệ thuật quân sự truyền thống lên một tầm cao mới, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc ứng phó với giặc COVID-19 trong cuộc chiến không mang tiếng súng này.

6. Kết luận

Từ nguồn ngữ liệu là 428 lượt xuất hiện của các biểu thức ẩn dụ có miền nguồn là CHIẾN TRANH thông qua 7 mô hình ẩn dụ tri nhận trong diễn ngôn y tế, cụ thể ở đây là trang tin chính thức về đại dịch COVID-19 tại Việt Nam trong giai đoạn 2020-2021, bài viết đã nêu lên đặc điểm ngữ nghĩa tri nhận về đại dịch COVID-19 cùng với một số nguyên nhân chi phối các đặc điểm đó từ các góc độ ngôn ngữ, thần kinh, văn hóa lịch sử. Cấu trúc và cách sử dụng ẩn dụ có chủ ý trong các bản tin giúp gợi lên cảm xúc tích cực của con người, mở ra các giá trị tập thể, xây dựng hệ thống nhận thức cộng đồng thống nhất về phòng chống dịch COVID-19 và thực hiện chức năng hướng dẫn

cộng đồng. Quan điểm liên quan đến tác động của ẩn dụ chiến tranh lên suy nghĩ, cách nói và hành động trong bối cảnh bệnh truyền nhiễm đang xảy ra cũng đã được các nhà khoa học khẳng định một cách có hệ thống, có thể kể đến là công trình của Susan Sontag (1978) về bệnh ung thư và bệnh lao; Washer (2004) về bệnh SARS, Ribeiro và cộng sự (2018) về bệnh Zika,... Phương tiện truyền thông sử dụng các hình ảnh ẩn dụ của chiến tranh không chỉ như một phép tu từ hay chỉ đưa tin về việc phòng chống và kiểm soát dịch bệnh mà nhằm tác động đến nhận thức của công chúng về mối quan hệ đối kháng giữa con người với virus Corona, phổ biến kiến thức về sức khỏe và là một phương tiện hữu hiệu để xoa dịu các cuộc khủng hoảng trong cộng đồng cũng như huy động toàn xã hội cùng hưởng ứng tham gia trận chiến này. Ẩn dụ chiến tranh luôn xuất hiện trong một thời gian và không gian cụ thể. Việc sử dụng ẩn dụ, trong đó có ẩn dụ chiến tranh, được phát hiện có liên quan chặt chẽ đến môi trường văn hóa (Boylstein và cộng sự, 2007) và được coi là biểu hiện cụ thể về văn hóa (Pritzker, 2003), và ẩn dụ chiến tranh được sử dụng trong môi trường hòa bình ít hơn so với trong môi trường xung đột (Cockerham, 2017). Do đó, nghiên cứu ẩn dụ chiến tranh trong các bản tin về dịch bệnh không chỉ giúp chúng ta hiểu rõ hơn tác dụng của giao tiếp đối với sức khỏe, khiến chúng ta nhận thức sâu sắc hơn về sự nghiệp giáo dục và chăm sóc sức khỏe cộng đồng mà còn có thể giúp chúng ta khám phá mối quan hệ tương tác giữa y tế, chiến tranh và văn hóa trong một bối cảnh cụ thể. Đây

cũng chính là chức năng xã hội của ẩn dụ có miền nguồn là CHIẾN TRANH.

Kết quả của nghiên cứu này có thể vận dụng vào dạy học ngôn ngữ/ngoại ngữ hoặc dịch thuật. Các ý niệm thuộc miền đích (hệ thống ý niệm về đại dịch COVID-19) và miền nguồn (hệ thống ý niệm về CHIẾN TRANH) sẽ được ánh xạ, kết nối tương ứng với nhau khi phép chiếu ẩn dụ được kích hoạt. Như nội dung phân tích nói trên, dùng hình ảnh của “chiến tranh” để minh họa hình ảnh của “đại dịch COVID-19” là hành vi có tính phổ biến, thể hiện đặc điểm chung của tư duy con người, trong trường hợp này là nhận thức kinh nghiệm, là tri thức nảy sinh một cách trực tiếp từ *thực tiễn* cuộc sống xã hội. Lakoff (1980) cho rằng: “ẩn dụ hiện diện rộng rãi trong quá trình trao đổi thông tin (giao tiếp) của chúng ta, và sự hiểu biết của chúng ta về các sự vật, hiện tượng khách quan (đặc biệt là các sự vật, hiện tượng trừu tượng) chủ yếu thông qua ẩn dụ”. Vì vậy, khi dạy và học ngôn ngữ/ngoại ngữ, chúng ta không những phải nắm được các kiến thức ngữ pháp cơ bản mà còn phải học các kiến thức ẩn dụ liên quan để có thể sử dụng ngôn ngữ/ngoại ngữ đó một cách hợp lý. Lý thuyết phổ quát về ẩn dụ tri nhận dựa trên chủ nghĩa duy nghiệm này cung cấp cơ sở lý thuyết cho phép dịch tương đương. Khi dịch ẩn dụ chiến tranh trong diễn ngôn y tế, chúng ta cần nắm vững các hình ảnh ẩn dụ tri nhận chi phối trong cách diễn đạt, hiểu chính xác nội dung của văn bản gốc để tái tạo tư duy và nhận thức về thế giới trong ngôn ngữ đích. Hầu hết các ngôn ngữ trên thế giới đều tồn tại ẩn dụ chiến tranh cho nên các

biểu thức ẩn dụ mang tính phổ quát có thể được dịch theo nghĩa đen. Tuy nhiên, đối với một số biểu thức ẩn dụ mang đậm tính đặc trưng dân tộc (tính khái quát) thì việc sử dụng phương pháp nói trên sẽ làm cho bản dịch trở nên khô cứng và tối nghĩa, không diễn đạt chính xác ý nghĩa của văn bản gốc, thậm chí dẫn đến sai sót. Lúc này, người dịch cần dựa vào kiến thức chuyên môn về y tế và thông qua ngữ cảnh cụ thể để phát triển nghĩa và diễn đạt từ ngữ mang hình ảnh ẩn dụ sang ngôn ngữ đích, tất nhiên nó cần đảm bảo phản ánh đúng nghĩa của văn bản gốc. Việc áp dụng tất cả các kỹ thuật này làm cho bản dịch không chỉ giữ được ý nghĩa của biểu thức ẩn dụ tri nhận ban đầu, mà còn phù hợp với cách diễn đạt chuyên môn về y tế của ngôn ngữ đích.

Phạm vi nghiên cứu của bài viết chỉ giới hạn trong đặc điểm tri nhận về ẩn dụ có miền nguồn là CHIẾN TRANH trong các bản tin về đại dịch COVID-19. Vì thế, chúng tôi cũng hy vọng sẽ có thêm nhiều nghiên cứu sâu hơn việc sử dụng ẩn dụ chiến tranh trong diễn ngôn y tế ở các ngôn ngữ khác để so sánh với tiếng Việt, chắc chắn sẽ đưa đến những kết quả thú vị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2019). *Lịch sử Quân sự Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
2. Clausewitz, C.V. (2012). *Bàn về chiến tranh*. Hà Nội: Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân.
3. Danid R. (2001). *The Metaphorical Society: An Introduction to Social Theory*.

Các nước sống chung với đại dịch COVID-19 như thế nào?

4. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2000). *Hồ Chí Minh toàn tập - Tập 7*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

5. John, K. (2018). *Lịch sử chiến tranh*. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động.

6. Kiều Giang (2021). Các nước sống chung với đại dịch COVID-19 như thế nào? Truy cập ngày 7/7/2021 từ <https://dangcong-san.vn/tieu-diem/cac-nuoc-song-chung-voi-dai-dich-covid-19-nhu-the-nao-591731.html>

7. Kittay, E. F. & Steinhart, E. (1991). A Connectionist Interpretation of the Semantic Field Theory of Metaphor. *Thirteenth Annual Conference of the Cognitive Science Society*, Chicago.

8. Lakoff, G. & Johnson, M. (1999). *Philosophy in the Flesh: The Embodied Mind & its Challenge to Western Thought*. New York: Basic Books.

9. Lakoff, G. & Johnson, M. (2003). *Metaphors we live by*. America: The University of Chicago Press.

10. Lê Quang Thiêm (2006). Về khuynh hướng ngữ nghĩa học tri nhận. *Ngôn ngữ (11)*, 6-12.

11. Scott L. Montgomery (2009). Codes and combat in biomedical discourse. *Science as Culture (2)*, 341-390.

12. Shu Dingfang [束定芳] (2000). *隐喻学研究*. 上海: 上海外语教育出版社.

13. Thu Lan (2020). *WHO tuyên bố COVID-19 là đại dịch toàn cầu*. Truy cập ngày 3/8/2021 từ <https://dangcong-san.vn/the-gioi/tin-tuc/who-tuyen-bo-covid-19-la-dai-dich-toan-cau-550209.html>

14. Warren, V. L. (1991). The “medicine is war” metaphor. *HealthCare Ethics Committee Forum (3)*, 39-50.

Nguồn ngữ liệu: <https://ncov.moh.gov.vn/>

(Ngày nhận bài: 14/10/2021; ngày duyệt đăng: 29/12/2021)